

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 8 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị T và anh C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Doan

2. Bà Huỳnh Thị Thê Phụng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lư Thị T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 40, ấp An H, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Lê Minh C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cái T1 (trước đây ấp Thượng 1), thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-01-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lư Thị T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Minh C cùng làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, quen biết nhau và tìm hiểu về tình cảm được hai năm, năm 2010 chị và anh C tự nguyện kết hôn, năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 18-02-2011. Sau khi cưới vài ngày vợ chồng trở lại tỉnh Bình Dương tiếp tục làm công nhân. Năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do anh C ăn chơi, sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, chị khuyên nhưng anh không nghe, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Tháng 11-2018 chị bỏ về quê sống chung với cha mẹ ruột tại huyện Châu Th, tỉnh An Giang, vợ chồng ly thân từ tháng 11-2018 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc và cũng không hàn gắn. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Lư Ngọc Vy, sinh ngày 13-11-2012, chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng, vì chị có điều kiện nuôi con, chị đang làm công nhân tại Khu công nghiệp Bình H thuộc huyện Châu Th, tỉnh An Giang, thu nhập từ lương 6.000.000đ/tháng.

Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 13-5-2020 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Lê Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo chị T trình bày, mâu thuẫn vợ chồng nêu trên có cha mẹ ruột và cha mẹ chồng biết, cha mẹ ruột tên Lư Văn Thước, Thiều Thị Niên, trú cùng địa chỉ với chị; cha mẹ chồng tên Lê Văn Tư (tự Đực Tư), mẹ chồng không biết tên gì, trú cùng địa chỉ với chồng.

Tại văn bản ngày 27-4-2020 bà Thiều Thị Niên (mẹ ruột chị T) cho biết, năm 2013 chị T và anh C mâu thuẫn do anh C sống không chung thủy. Từ tháng 11 năm 2018 đến nay chị T về sống với bà và ly thân với anh C, thời gian ly thân anh C không đến hàn gắn và không gửi tiền nuôi con. Bà đề nghị Tòa án cho chị T ly hôn anh C.

Do ông Lê Văn Đực (Đực Tư) là cha ruột anh C không có mặt tại địa phương, Tòa án không xác minh được, nên xác minh người thân khác của anh C là ông Phạm Tuấn Kiệt nhà ở liền kề với nhà ông Lê Văn Đực. Tại Biên bản xác minh ngày 15-6-2020 của Tòa án, ông Kiệt cho biết ông Lê Văn Đực (Đực Tư) đang ở tỉnh Bình Dương làm thuê. Ông là dưỡng tử của anh C, khoảng hai năm nay T và C không sống

chung nhà với cha mẹ C, mà C đi làm tại tỉnh Bình Dương, thỉnh thoảng về thăm nhà tại ấp Cái T1, còn T theo ông biết thường xuyên ở nhà cha mẹ ruột tại huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Vợ chồng mỗi người ở một nơi, có lúc ông nghe hai bên nói chuyện qua điện thoại có bất đồng với nhau, theo ông vợ chồng chị T, anh C khó có khả năng hàn gắn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng anh Lê Minh C (là bị đơn) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh C chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, hôn nhân của chị Lư Thị T và anh Lê Minh C có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, anh chị mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, người thân của anh chị cũng thấy khó hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C; về nuôi con chung, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con Lê Lư Ngọc Vy và không yêu cầu anh C cấp dưỡng, từ khi ly thân đến nay chị T nuôi con ổn định và cháu Vy cũng có nguyện vọng sống với chị T, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lư Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh C, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn do anh C sống không chung thủy, vợ chồng có thời gian dài ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay, không gặp nhau hàn gắn, mẹ chị T đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn, người thân anh C cũng nhận thấy anh chị khó hàn gắn. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị T và anh C.

[4] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị T nuôi con có cuộc sống ổn định, cháu Lê Lư Ngọc Vy có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi cháu Lê Lư Ngọc Vy, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[6] Về chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lư Thị T và anh Lê Minh C. Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 18-02-2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Lê Lư Ngọc Vy, sinh ngày 13-11-2012 cho chị Lư Thị T trực tiếp nuôi, chị T đang nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Minh C không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Lư Thị T phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006517 ngày 19-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS H. Phú T;
- UBND thị trấn Phú M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Anh Đoan

Huỳnh Thị Thẽ Phụng

Hồ Thị Kim Phương

